TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ T, phường Q, quận K, TP. H; (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Bá L; địa chỉ: Tổ T, phường Q, quận K, thành phố H; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2023, các bản tự khai và Biên bản hòa giải, nguyên đơn là Chị Phạm Thị H trình bày: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L kết hôn ngày 05/10/1997 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn Chị H và Anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, Chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho Chị H được ly hôn Anh L. Về con chung: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L có 02 con chung là Vũ Bá S, sinh ngày 17/6/1998 và Vũ Bá T, sinh ngày 24/9/2004. Hiện nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên Chị H không có yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, Biên bản hòa giải bị đơn là Anh Vũ Bá L trình bày: Anh Vũ Bá L và Chị Phạm Thị H kết hôn ngày 05/10/1997 tại Q, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn Anh L và Chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, cách ứng xử của hai vợ chồng có nhiều điểm không thống nhất, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, Anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có hai con chung là Vũ Bá S, sinh ngày 17/6/1998 và Vũ Bá T, sinh ngày 24/9/2004; hiện nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên Anh L không có yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự trình bày, cháu Vũ Bá S và cháu Vũ Bá T là con chung của Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L trình bày: Trong quá trình sống chung bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng mệt mỏi, 3 mẹ con sinh hoạt ở nhà trên, còn bố cháu sinh hoạt ở nhà dưới, bố mẹ cháu nhiều năm nay không nói chuyện với nhau. Việc ly hôn của bố mẹ cháu, tùy bố mẹ cháu quyết định. Hiện nay chúng cháu đã đến tuổi trưởng thành, đã tự lập được cuộc sống nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng khi bố mẹ cháu ly hôn. Chúng cháu không đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ cháu, không liên quan đến tài sản chung của bố mẹ cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi bố mẹ cháu ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của Chị Phạm Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị H được ly hôn Anh Vũ Bá L. Về con chung: Con chung của Chị H và Anh L là Vũ Bá S, sinh ngày 17/6/1998; Vũ Bá T, sinh ngày 24/9/2004; các con đã trên 18 tuổi nên không giải quyết về việc nuôi dưỡng khi Chị H và Anh L ly

hôn. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 06 tháng 4 năm 2023 Chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Vũ Bá L; Anh Vũ Bá L là bị đơn, trú tại Tổ T, phường Q, quận K, thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 220, Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho nguyên đơn là Chị Phạm Thị H và bị đơn là Anh Vũ Bá L. Tại phiên tòa mở lần thứ 2 Chị Phạm Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh Vũ Bá L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển sổ số 01/97, ngày 05 tháng 12 năm 1997. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã kéo dài và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mặc dù Anh L có nguyện vọng về đoàn tụ nhưng Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn; chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho Chị Phạm Thị H được ly hôn Anh Vũ Bá L. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị Phạm Thị H và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L có 02 con chung là Vũ Bá S, sinh ngày 17/6/1998 và Vũ Bá T, sinh ngày 24/9/2004. Các con chung của Chị H và Anh L đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con khi Chị H và Anh L ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L.

- Về con chung: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L có 02 con chung là Vũ Bá S, sinh ngày 17/6/1998 và Vũ Bá T, sinh ngày 24/9/2004. Con chung là Vũ Bá S và Vũ Bá T đã trên 18 tuổi nên không giải quyết về việc nuôi dưỡng con khi Chị H và Anh L ly hôn.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn Chị Phạm Thị H, Anh Vũ Bá L có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị Phạm Thị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003776 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Phạm Thị H và Anh Vũ Bá L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Q, quận K, thành phố H;;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương